

**PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON 20/10**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB - TrMN 20/10

Mường Thanh, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

V/v thực hiện chế độ chính sách cho học sinh, năm học 2023 - 2024

Kính gửi:

- Giáo viên chủ nhiệm 12 lớp;
- Phụ huynh học sinh toàn trường.

Căn cứ nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

Căn cứ Nghị định 57/2017/NĐ – CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ về Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc ít người;

Căn cứ TTTT số 42/2013 TTTT-BGDĐT – BLĐTBH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ lao động - TBXH, Bộ tài chính về quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ khuyết tật;

Căn cứ QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của UBND của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ – HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức học phí năm học 2022 – 2023 và mức học phí từ năm học 2023 – 2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện văn bản số 1319/PGDDĐT-KT ngày 05/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành đối với giáo viên và học sinh năm học 2023-2024;

Để đảm bảo thực hiện chế độ chính sách của học sinh trong năm học 2023-2024 đúng, đủ, kịp thời. Nhà đề nghị giáo viên chủ nhiệm các lớp nghiên cứu các nghị định, thông tư, quyết định về các chế độ chính sách mà học sinh được hưởng

để triển khai hướng dẫn phụ huynh học sinh có con em được hưởng chế độ chính sách làm các thủ tục theo hướng dẫn sau:

A. ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021)

I. Đối tượng miễn

1. Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật.
2. Trẻ em mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.
3. Trẻ em mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Trẻ em mầm non 5 tuổi ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn (Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021), khu vực III vùng dân tộc và miền núi (Theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021).
5. Trẻ em mầm non là con của hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ (Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định 27/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016).

II . Đối tượng giảm 70%

Trẻ em mẫu giáo là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn (Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021), khu vực III vùng dân tộc và miền núi (Theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021).

III . Đối tượng giảm 50%

1. Trẻ em mẫu giáo là con cán bộ, công nhân, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.
2. Trẻ em mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

B. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (Căn cứ Nghị định 57/2017/NĐCP và QĐ 81/2021/QĐ-CP)

1. Trẻ em mẫu giáo thuộc 16 dân tộc có dân dưới 10.000 người (gọi là dân tộc rất ít người) như: Cống, mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chút, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, pà Thên, La Hủ).
2. Trẻ em mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.
3. Trẻ em học mẫu giáo có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em mẫu giáo học tại cơ sở giáo dục ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn (Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021), khu vực III vùng dân tộc và miền núi (Theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021).

C. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA(Theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020)

1. Trẻ mẫu giáo có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Trẻ em mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.

3. Trẻ em mẫu giáo là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em là con thương binh, liệt sĩ

5. Trẻ khuyết tật.

D. HỒ SƠ YÊU CẦU

Nộp 2 bản: Sổ hộ khẩu hoặc thông báo số định danh của xã, phường giấy khai sinh có công chứng, giấy tờ liên quan đến chế độ .

Đề nghị Giáo viên, phụ huynh học sinh xem xét con mình thuộc diện nào thì báo cho giáo viên chủ nhiệm và nộp hồ sơ trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm.

Giáo viên chủ nhiệm nộp về bộ phận kế toán (*Thời gian nộp trước ngày 15/9/2023*).

Trường hợp nộp muộn quá thời gian trên nhà trường không giải quyết và giáo viên hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mọi vướng mắc, liên hệ trực tiếp bộ phận kế toán (đ/c Hạnh) để được giúp đỡ.

Nơi nhận:

- Như trên (hscv);
- Lưu: HSKT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Hồng Hạnh